TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN, HẢI VĂN THÁNG IV NĂM 1993

Ở các tỉnh miền Bắc, thời tiết âm u kéo dài, tuy có nhiều ngày mưa nhưng lượng mưa tháng vẫn thiếu hụt so với TBNN (trung bình nhiều năm). Nền nhiệt độ ở hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước xấp xỉ TBNN.

Mực nước các sông trên phạm vi cả nước ở mức thấp; riêng ở Bắc Bộ đã xuất hiện đợt lũ nhỏ vào những ngày giữa và cuối tháng.

I - TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh: Trong tháng có một đợt không khí lạnh tương đối mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh miền Bắc nước ta vào ngày 6. Nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 7 đến 10°C; gió đông bắc trên đất liền cấp 3, cấp 4, ngoài khơi cấp 6, cấp 7. Trời chuyển rét.

b) Nắng nóng: Một vài nơi thuộc phía tây Bắc Bộ và Trung Bộ có một số ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất đạt tới 36 - 40°C.

c) Tố lốc và mưa đá: Một số nơi thuộc vùng núi Bắc Bộ và Trung Bộ đã có tố lốc và mưa đá, gây thiệt hại về người và của như ở Lai Châu, Vĩnh Phú, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế v.v.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ giá trị TBNN.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là Sa Pa (Lào Cai): 7,7°C (ngày 9).

Nơi có nhiệt độ cao nhất tuyệt đối là Cửa Rào (Nghệ An): 40,0°C (ngày 4)

3. Tình hình mưa

Trừ một vài nơi thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Kim Bôi (Hòa Bình): 183mm.

Một số nơi thuộc Nam Bộ và Nam Trung Bộ có lượng mưa tháng dưới 3mm.

4. Số giờ nắng

Nhiều nơi thuộc Trung Bộ và Nam Bộ có số giờ nắng cao hơn TBNN, còn hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ có số giờ nắng thấp hơn.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Tuy Hòa (Phú Yên): 301giờ.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Cửa Ông (Quảng Ninh): 36giờ.

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh Miền Bắc, thời tiết ít mưa, âm u kéo dài nên có những diện tích lúa phát triển kém. Các địa phương đẩy mạnh chăm sóc lúa và hoa màu vụ xuân, đồng thời tranh thủ gieo trồng các cây còn thời vụ như sắn, ngô ở vùng cao.

Ở các tỉnh Miền Nam thời tiết ít mưa, nhiều nắng, thuận lợi cho việc thu hoạch nhanh gọn lúa đông xuân, đẩy nhanh tốc độ gieo cấy lúa hè thu.

II - TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Mực nước các sông ở Bắc Bộ những ngày đầu tháng ở xu thế xuống và ở mực thấp, những ngày giữa và cuối tháng đã xuất hiện đợt lũ nhỏ, mực nước các sông nhích dần lên.

Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất tháng là 26,90m (19h ngày 16).

Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất tháng là 17,86m (7h ngày 28).

Trên sông Đà tại trạm Lai Châu, mực nước cao nhất tháng lên đến mức 79,45m (19h ngày 15).

Hồ Hòa Bình xả nước phát điện bình thường. Mực nước hồ ngày đầu tháng là 100,99m (1h ngày 1), ngày cuối tháng là 95,29m (1h ngày 29).

Trên sông Hồng tại Hà Nội, mực nước cao nhất là 3,92m (19h ngày 29), mực nước thấp nhất là 2,98m (19h ngày 8), mực nước trung bình là 3,34m cao hơn mức TBNN 44cm.

Trên sông Thái Bình tại Phả Lại, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều. Mực nước cao nhất là 1,01m (7h ngày 14), mực nước thấp nhất là 0,1m (19h ngày 14).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp và bình thường; mực nước các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng thủy triều

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ở mức thấp và chịu ảnh hưởng thủy triều.

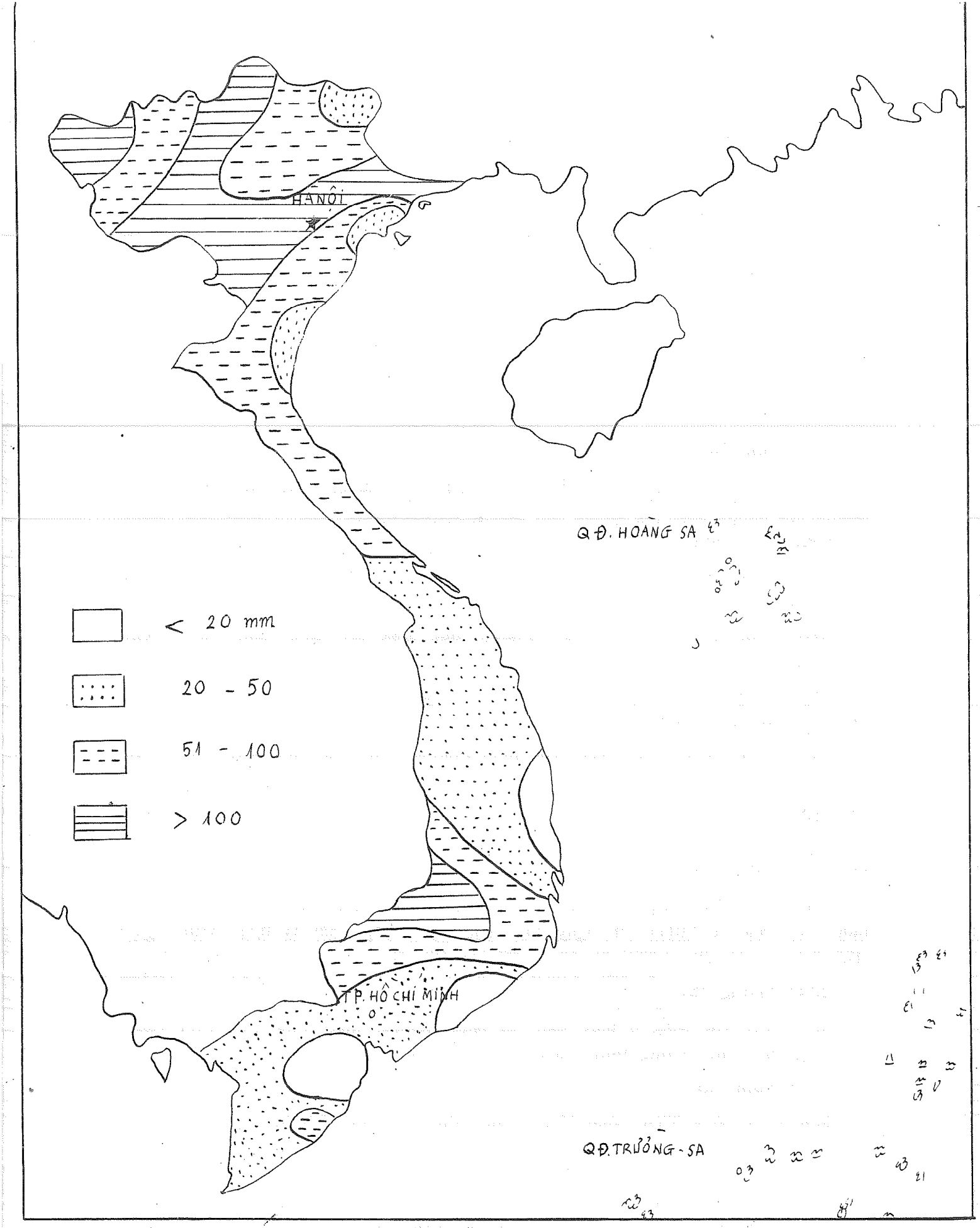

Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng IV năm 1993

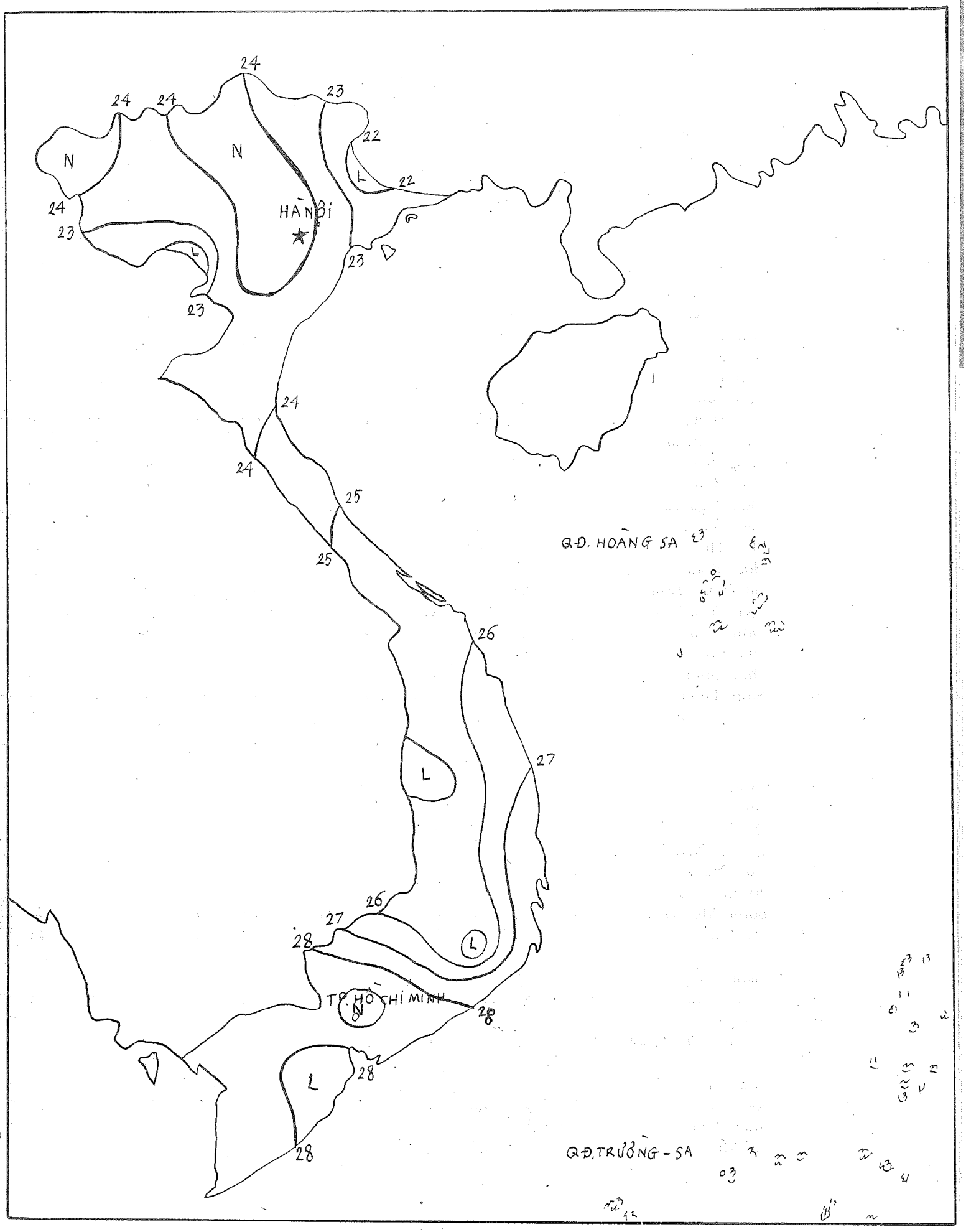

Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng IV năm 1993

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM(%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	24,2	-0,5	31,9	37,3	4	19,7	15,2	2	78	59	8
2	Điện Biên	23,2	-0,4	29,8	34,4	3	18,7	15,1	2	84	48	25
3	Sơn La	22,9	+0,1	29,1	35,5	3	18,4	14,0	9	76	20	3
4	Sa Pa	17,6	+0,6	21,2	28,3	3	14,7	7,7	9	78	60	2
5	Lao Cai	24,0	0,0	28,1	34,9	24	21,3	15,3	10	83	52	3
6	Yên Bái	23,7	+0,4	27,3	33,0	24	21,2	15,8	9	88	58	9
7	Hà Giang	24,4	+1,0	28,7	33,9	24	21,6	16,3	9	82	55	24
8	Tuyên Quang	24,4	+0,8	28,1	33,7	24	21,8	16,6	9	83	52	9
9	Lạng Sơn	22,0	-0,1	25,9	33,0	24	19,5	13,9	8	86	56	24
10	Cao Bằng	23,1	+0,2	27,9	34,9	3	19,1	15,2	9	80	47	23
11	Thái Nguyên	23,7	+0,2	26,9	32,1	24	21,7	16,5	9	87	53	7
12	Bắc Giang	23,7	+0,1	26,5	31,2	24	21,6	16,2	9	89	64	9
13	Phú Thọ	23,6	+0,1	28,2	33,2	24	22,4	15,4	9	92	58	9
14	Hòa Bình	24,2	-0,2	28,6	34,8	24	21,7	15,9	9	87	56	23
15	Hà Nội (Láng)	24,0	+0,3	27,5	32,5	24	22,1	16,7	8	86	60	7
16	Tiên Yên	22,4	-0,3	25,1	30,0	23	20,5	14,9	9	91	72	9
17	Hồng Gai	23,0	+0,1	25,5	30,5	25	20,8	14,8	9	88	68	9
18	Phù Liễn	22,8	+0,2	25,6	30,7	24	21,0	14,5	9	93	70	6
19	Thái Bình	23,4	+0,2	26,2	30,3	23	21,8	15,4	9	92	74	23
20	Nam Định	23,4	-0,1	26,4	31,6	24	21,5	15,1	9	91	68	23
21	Thanh Hóa	23,3	-0,2	26,7	33,6	24	21,6	15,6	9	92	70	28
22	Vinh	24,5	+0,4	28,6	37,2	24	22,2	16,1	9	89	50	2
23	Đồng Hới											
24	Huế											
25	Đà Nẵng	26,0	-0,2	30,5	33,0	21	23,8	21,5	0	86	65	24
26	Quảng Ngãi	26,6	-0,1	31,8	33,8	24	22,3	20,6	9	84	57	27
27	Quy Nhơn	27,8	+0,6	33,0	35,0	21	24,9	22,7	4	82	59	13
28	Pơ Lây Cu	24,2	+0,2	31,4	34,0	5	19,5	16,8	9	73	30	13
29	Buôn Mê Thuột	26,3	+0,2	34,0	37,6	3	21,8	20,5	10	72	22	3
30	Đà Lạt	18,7	-0,5	25,2	27,9	4	13,8	11,1	10	82	20	4
31	Nha Trang											
32	Phan Thiết	28,0	+0,1	31,5	32,4	28	25,4	23,3	8	76	52	27
33	Vũng Tàu	28,4	-0,5	31,7	32,5	9	26,5	24,6	2	75	25	13
34	Tây Ninh											
35	TP.Hồ Chí Minh	29,1	+0,2	33,9	36,1	15	25,7	22,3	14	x	x	x
36	Tiền Giang	28,1	-0,7	33,6	35,4	29	24,8	22,9	2	79	36	13
37	Cần Thơ	28,0	-0,5	33,2	34,8	4	24,7	22,9	1	79	50	8
38	Sóc Trăng	28,0	-0,4	34,0	36,0	6	23,8	21,7	27	78	36	1
39	Rạch Giá	28,5	-0,5	33,2	35,0	1	25,5	24,1	10	77	41	1
40	Cà Mau	28,3	+0,4	34,5	35,9	30	23,9	22,3	1	77	37	1

CHÚ THÍCH: *Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng*

CỦA CÁC TRẠM THÁNG IV NĂM 1993

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
				Số ngày liên tục								Gió tây khô nóng				
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất	Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Nhẹ	Mạnh	Dông	Mưa phùn	
168	+33	30	15	8	8	14	108	7	8	196	-5	8	0	15	0	1
96	-10	20	11	8	8	15	75	4	8	212	+11	0	0	10	0	2
148	+32	60	13	7	14	14	121	10	4	188	0	3	0	12	0	3
141	-56	30	13	10	6	15	141	12	2	108	-61	0	0	14	4	4
56	-64	10	15	6	7	13	74	4	5	129	-16	0	0	8	0	5
139	+8	60	20	10	4	17	52	3	4	87	-18	0	0	10	0	6
118	+2	30	13	6	6	14	73	4	6	134	+22	0	0	9	0	7
59	-43	17	20	6	4	15	56	4	28	x	x	0	0	6	0	8
53	-43	20	27	4	4	17	70	4	6	91	-4	0	0	8	2	9
37	-51	10	18	5	8	12	102	6	28	120	-1	0	0	10	0	10
90	-28	30	27	13	3	23	56	5	7	68	-13	0	0	5	0	11
119	+20	30	27	5	4	11	44	3	7	80	-11	0	0	4	2	12
58	-51	20	20	10	5	17	64	4	28	103	+16	0	0	4	0	13
160	+64	43	30	6	4	15	54	3	23	107	-5	0	0	9	0	14
100	+10	40	13	5	4	20	52	3	7	71	-9	0	0	7	0	15
157	+27	50	27	7	4	21	26	2	5	40	x	0	0	7	1	16
26	-52	11	20	5	4	14	34	2	25	44	-45	0	0	6	8	17
27	-66	9	20	6	2	20	28	2	4	60	-36	0	0	6	0	18
76	-11	50	20	4	8	14	53	4	22	71	-19	0	0	7	0	19
88	+6	60	20	4	5	15	37	2	22	65	-33	0	0	8	0	20
27	-32	5	13	5	4	14	40	3	23	105	-4	0	0	9	0	21
73	+12	40	21	4	5	14	54	5	24	162	+30	1	0	8	0	22
																23
																24
32	+5	10	7	1	6	5	74	5	9	210	+4	0	0	8	0	25
39	+1	30	15	2	14	5	77	4	27	229	-9	0	0	7	0	26
17	-15	16	14	2	15	2	74	5	10	282	+20	0	0	0	0	27
21	-56	20	21	3	10	6	136	7	13	254	+21	0	0	12	0	28
83	+1	60	16	1	8	9	175	9	10	254	+1	1	1	0	0	29
107	-39	20	15	5	11	11	85	6	5	209	+3	0	0	11	0	30
																31
7	-26	10	18	2	11	3	150*	8	9	257	-25	0	0	4	0	32
9	-24	9	18	2	16	2	131	6	13	255	-19	0	0	1	0	33
																34
40	-10	39	18	1	17	2	x	x	x	x	x	x	x	0	0	35
11	-44	10	16	1	15	2	158	9	13	275	+2	1	0	5	0	36
2	-48	1	13	1	17	2	107	x	x	281	+17	0	0	4	0	37
62	-3	6	13	1	12	3	118	5	9	264	+17	0	0	3	0	38
33	-65	18	21	2	11	4	147	7	14	272	+38	1	0	6	0	39
30	-70	25	13	2	13	3	134	7	1	200	-25	0	0	10	0	40

III - TÌNH HÌNH HẢI VĂN

1. Gió và sóng

- *Vùng biển phía Bắc:* Hướng gió chủ yếu là đông đông bắc và đông đông nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 7 - 10m/s (cấp 4, cấp 5). Ngoài khơi gió mạnh nhất 15 - 20m/s (cấp 7, cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông đông bắc và đông đông nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,5 - 0,75m (cấp II). Ngoài khơi sóng cao nhất 2 - 2,5m (cấp IV, cấp V).

- *Vùng biển phía Nam:* Hướng gió chủ yếu là đông và đông bắc, có ngày gió đông nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 8 - 10m/s (cấp 5). Ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo - Trường Sa gió mạnh nhất 18 - 20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông và đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75m (cấp II). Ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo - Trường Sa sóng cao nhất 3,5m (cấp V) (ngày 13 - IV - 1993)

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía Bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 21 - 23°C, cao nhất 24 - 25°C, thấp nhất 19 - 20°C.

- Vùng biển phía Nam: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 27 - 28°C, cao nhất 29 - 31°C, thấp nhất 25 - 26°C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía Bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 30 - 31‰ cao nhất 32 - 33‰ thấp nhất 28 - 29‰

- Vùng biển phía Nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 31 - 32‰ cao nhất 33 - 34‰ thấp nhất 29 - 30‰